TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 07 - 6 - 2019.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Ánh Minh.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2018/TLST - HNGĐ, ngày 21/12/2018 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 17/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Châu Thị H, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Ông Lý Minh C, sinh năm 1975 (vắng mặt không lý do).

Địa chỉ cư trú: ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 13/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị H trình bày: Bà và ông Lý Minh Ch kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/10/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, đã sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay, thời gian ly thân hai bên không thể hàn gắn được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Ch. Về con chung có một cháu tên Lý Xuân H, sinh ngày 07/01/1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Bị đơn ông Lý Minh C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Châu Thị H có yêu cầu xin xét xử vắng mặt, ông Lý Minh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thị H và ông Lý Minh C, Hội đồng xét xử thấy rằng ông bà kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre vào ngày 07/10/2002. Do đó hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn theo bà H trình bày thì vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay, đến ngày 13/12/2018 thì bà H làm đơn yêu cầu ly hôn với ông C. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của bà H và ông C đã tồn tại trong thời gian dài, đã có con chung trưởng thành, lẽ ra ông bà phải cùng nhau bàn bạc, tháo gỡ những mâu thuẫn tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng chỉ vì những bất đồng trong cuộc sống thường ngày dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông bà đã sống ly thân, thời gian ly thân ông bà cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông C đến Tòa án để tham gia hòa giải quan hệ hôn nhân với bà H, mục đích để ông bà hàn gắn đoàn tụ nhưng ông C không đến Tòa án để tham gia hòa giải, điều đó chứng tỏ ông C có ý thức bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm với bà H. Do đó có căn cứ để xác định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng bà H, ông C là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống theo như bà H trình bày thì bà và ông C có một con chung tên Lý Xuân H, sinh ngày 07/01/1997 hiện nay đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có, đối với ông C trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến gì về các vấn đề nêu trên nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định ông bà có tài sản chung và nợ chung hay không nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền yêu cầu giải quyết ở vụ kiện khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về nghĩa vụ nộp án phí: Bà Châu Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Châu Thị H.

Bà Châu Thị H được ly hôn với ông Lý Minh C.

[2] Về con chung: Lý Xuân H, sinh ngày 07/01/1997 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Châu Thị H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ nộp án phí: Án phí ly hôn bà Châu Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx, ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (ĐKKH số xx, ngày 07/10/2002) (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Thiện